TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày 19-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Phước
2. Ông Phạm Minh Hội

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Dương Hoàng Thân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa*: Ông Hà Duy Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên:**Võ Văn T**, sinh năm 1998 (có mặt)
- Nơi ĐKHKTT: Ấp K, xã Tân K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã Tân K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Đạo phật;
- Nghề nghiệp: Không;
- Trình độ văn hóa: 06/12;
- Họ tên Cha: NLQ1 - Sinh năm:1966 - Nghề nghiệp: Bán cá
- Họ tên Mẹ: Dương Thị S - Sinh năm: 1966 - Nghề nghiệp: Bán cá
- Anh, chị, em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất bị cáo;
- Tiền án: Ngày 06/9/2017 bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù đối với hành vi trộm cắp tài sản đến ngày 23/4/2018 bị cáo T chấp hành xong án phạt tù và trở về địa phương sinh sống;
-Tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố ngày 12/10/2018 và được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số15/LCKNCT ngày 30/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bị hại: Anh Võ Văn Tr, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Tân K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông NLQ1, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Tân K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ông NLQ2, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 07, khu phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng

1. Ông NLC1, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Tân K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông NLC2, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Tân K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3/ Ông NLC3, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ; khu phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1978, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng15 giờ ngày 07/10/2018, T biết anh Tr đi làm không có ở nhà, T đi bộ đến nhà anh Tr, quan sát không thấy ai nên T lén lúc đột nhập vào nhà của anh Tr lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68F1-000.95, nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, màu đỏ đen. T dẫn xe ra khỏi nhà và điều khiển xe đến nhà NLC3 ngụ tại khu phố 3, phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang để chơi. Từ ngày 08 đến ngày 09/10/2018 do không có tiền tiêu xài nên T đã cầm xe cho NLQ2 ngụ tại tổ 07, khu phố 3, phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang với số tiền 8.000.000 đồng, số tiền trên T mua ma túy để sử dụng và tiêu sài cá nhân. Quá trình điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình (BL 42 đến 60, 83 đến 87, 96 đến 114, 131)

Tại bản kết luận giám định tài sản số 09/ĐG-HĐĐG ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) xe môtô nhãn hiệu YAMAHA; loại EXCITER; màu sơn đỏ -đen; biển kiểm soát 68F1-000.95; số máy 55P1-068682; số khung 5P10-CY068674 tại thời điểm bị mất trộm có giá trị còn lại 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). (BL 21)

** Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại Võ Văn Tr đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường (BL 45)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông NLQ1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.
- Ông NLQ2 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

* Vật chứng thu được trong vụ án: 01 (một) xe môtô nhãn hiệu YAMAHA; loại EXCITER; màu sơn đỏ -đen; biển kiểm soát 68F1-000.95; số máy 55P1-068682; số khung 5P10-CY068674 xe cũ đả qua sử dụng hiện đã trao trả cho chủ sở hữu (BL 15 đến 18)

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-KT ngày 09/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời áp dụng điểm b, s Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ

sung 2017). Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát rút lại điểm b khoản 1 Điều 51 và chuyển sang áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2/ Về hình phạt:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

3/ Các biện pháp tư pháp: Do người bị hại đã nhận lại được tài sản nên không xem xét.

4/ Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Võ Văn T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng số 01/ CT-VKS-KT ngày 09/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Người bị hại Võ Văn Tr đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự anh Tr đề nghị Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, ông NLQ2 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên Tòa người bào chữa cho bị cáo T là Ông Trần Tuấn A - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tỉnh Kiên Giang thống nhất lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo coi thường pháp luật đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn chưa được xóa án tích mà lại tái phạm làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội, xâm phạm tài sản của người khác, do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng đủ để răng đe bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để phán quyết một bản án thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mặt khác, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173; áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Văn T: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên thu thập và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với các tình tiết đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Võ Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản " được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nêu:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

[3] Xét hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng một mức án tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm có đủ điều kiện cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có 01 (một) tiền án, cụ thể ngày 06/9/2017 bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù đối với hành vi trộm cắp tài sản nhưng đến thời điểm xét xử vẫn chưa được xóa án tích.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có 01 (một) tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn phạm tội trộm cắp tài sản tức là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, gia đình bị hại đã khắc phục hậu quả do hành vi bị cáo thực hiện và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[6] Về hình phạt: Bị cáo T có 01 (một) tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, đủ nghiêm để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[8] Các biện pháp tư pháp: Người bị hại đã nhận được tài sản, không có yêu cầu gì nên HĐXX miễn xét.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên miễn án phí cho các bị cáo.

Do bị cáo bị tuyên là có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017;

[2] Xử phạt bị cáo Võ Văn T 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị hại Võ Văn Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, ông NLQ2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX miễn xét.

[4] Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu YAMAHA; loại EXCITER; màu sơn đỏ-đen; biển kiểm soát 68F1-000.95; số máy 55P1-068682; số khung 5P10-Y068674 xe cũ đã qua sử dụng hiện đã trao trả cho chủ sở hữu theo biên bản ngày 17/10/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G nên HĐXX miễn xét.

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

[6] Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện G;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Phước Lộc